

Số: **1110** /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **05** tháng **4** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 3280/SLĐTBXH-TE&BDG ngày 22 tháng 02 năm 2024 và ý kiến thống nhất của các Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch

Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Công an Thành phố, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- VP ĐDBQH&HĐND Thành phố;
- Ban VHXH HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- VPUB: các PCVP; Phòng: VX, KT, TH;
- Lưu: VT, (VX/Th2). ↗

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Anh Đức



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **1110**/QĐ-UBND ngày **05** tháng **4** năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Kịp thời hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn chưa được hưởng chính sách xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 20/2021/NĐ-CP) được chăm lo, hỗ trợ để ổn định cuộc sống, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

Thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các đối tượng đặc biệt được thụ hưởng chính sách trợ giúp này với những người có cuộc sống bình thường tại nơi cư trú được hưởng đầy đủ các quyền theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu:

Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

Quy trình thực hiện phải đồng bộ, thống nhất, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội với phương thức hỗ trợ linh hoạt, thuận lợi cho đối tượng được hưởng chính sách.

II. NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ

1. Quá trình rà soát, lập danh sách, tổ chức thẩm định và phê duyệt phải đảm bảo nguyên tắc chi đủ, chi đúng, không bỏ sót, không trùng lặp.

2. Công khai, minh bạch, thuận lợi về thủ tục cho người thụ hưởng nhưng không lợi dụng, trục lợi chính sách. Trường hợp có sự trùng lặp về chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng được quy định trong Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND) với các văn bản quy phạm pháp luật khác đang thực hiện thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ cao nhất.

3. Huy động tối đa mọi nguồn lực trong và ngoài nguồn ngân sách của Thành phố; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức tích cực vận động mọi nguồn lực xã hội để cùng chăm lo, hỗ trợ người dân gặp khó khăn.

III. ĐỐI TƯỢNG, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố, được quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND có đăng ký thường trú, tạm trú theo quy định của pháp luật về cư trú như sau:

1. Chính sách hỗ trợ nhóm người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng:

a) Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi trở lên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định, đang cư trú tại huyện Cần Giờ theo quy định của Luật cư trú được chăm lo, hỗ trợ:

Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí.

Mức hỗ trợ 1,25 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/người/tháng.

b) Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên: sống đơn thân/neo đơn (là người có chồng, vợ, con, người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đã tử vong); hoặc sống độc thân (không chồng, vợ, có giấy xác nhận sống độc thân theo quy định Luật Hộ tịch) hiện sống một mình hoặc sống với người thân được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định được chăm lo, hỗ trợ:

Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí.

Mức hỗ trợ 1,0 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/người/tháng.

2. Chính sách hỗ trợ nhóm người thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định:

Bị bệnh hiểm nghèo (có xác nhận điều trị theo quy định tại Danh mục bệnh hiểm nghèo của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ, Công văn số 6383/BTC-TCT ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Điều 5 của Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, quy định của Bộ Y tế); Bị suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên do bị tai nạn lao động, tai nạn giao thông, tai nạn khác (có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền Hội đồng giám định y khoa với tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên, được quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật Bảo hiểm xã hội), nhưng chưa được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hoặc trợ cấp xã hội hàng tháng được chăm lo, hỗ trợ:

Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí.

Mức hỗ trợ 1,0 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/người/tháng.

3. Chính sách hỗ trợ, chăm lo cho nhóm trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt (chưa được hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP):

a) Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và bị người còn lại bỏ rơi, sống với ông, bà hoặc người nuôi dưỡng nhưng hiện nay ông, bà hoặc người nuôi dưỡng đều đã tử vong được chăm lo, hỗ trợ:

Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí (trừ trẻ em dưới 6 tuổi).

Hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, giáo dục thường xuyên bằng với mức học phí do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định; riêng trường hợp trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thì mức hỗ trợ học phí bằng với mức học phí của trường công lập.

Mức hỗ trợ 2,5 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/trẻ dưới 4 tuổi/tháng.

Mức hỗ trợ 1,5 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/trẻ từ đủ 4 tuổi trở lên/tháng.

b) Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ (hiện trẻ sống chung với cha hoặc mẹ; hoặc trẻ sống chung với người thân) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định được chăm lo, hỗ trợ:

Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí (trừ trẻ em dưới 6 tuổi).

Hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, giáo dục thường xuyên bằng với mức học phí do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định; riêng trường hợp trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thì mức hỗ trợ học phí bằng với mức học phí của trường công lập.

Mức hỗ trợ 1,25 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/trẻ/tháng.

c) Trẻ em có cha và mẹ hoặc cha hay mẹ đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc (hiện trẻ sống chung với cha hoặc mẹ; hoặc trẻ sống chung với người thân) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định được chăm lo, hỗ trợ:

Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí (trừ trẻ em dưới 6 tuổi).

Hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, giáo dục thường xuyên bằng với mức học phí do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định; riêng trường hợp trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thì mức hỗ trợ học phí bằng với mức học phí của trường công lập.

Mức hỗ trợ 1,0 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/trẻ/tháng.

d) Trẻ em có cha và mẹ hoặc cha hay mẹ là đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (hiện trẻ sống chung với cha hoặc mẹ; hoặc trẻ sống chung với người thân) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định được chăm lo, hỗ trợ:

Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí (trừ trẻ em dưới 6 tuổi).

Hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, giáo dục thường xuyên bằng với mức học phí do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định; riêng trường hợp trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thì mức hỗ trợ học phí bằng với mức học phí của trường công lập.

Mức hỗ trợ 1,0 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/trẻ/tháng.

4. Chính sách hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các nhóm đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, gồm:

a) Người mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận điều trị theo quy định tại Danh mục bệnh hiểm nghèo của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ, Công văn số 6383/BTC-TCT ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Điều 5 của Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, quy định của Bộ Y tế) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định được hỗ trợ:

Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí.

b) Trẻ em từ đủ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi bị khuyết tật nhẹ (được Hội đồng xác định mức độ khuyết tật kết luận và cấp Giấy xác nhận khuyết tật xác định mức độ khuyết tật nhẹ) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định được hỗ trợ:

Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí.

c) Học sinh đang theo học tại các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục dân lập, tư thục, giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố, được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định (có thể bảo hiểm y tế diện học sinh được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% theo Luật Bảo hiểm y tế) được hỗ trợ:

Mức hỗ trợ 70% kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế.

IV. PHƯƠNG THỨC, NGUỒN KINH PHÍ, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phương thức hỗ trợ: Chi trả hằng tháng thông qua tài khoản ngân hàng cho các đối tượng thụ hưởng.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

3. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện: Thực hiện theo Hướng dẫn chi tiết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Là đơn vị đầu mối, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan ban hành Hướng dẫn chi tiết về:

Quy trình khảo sát, trình tự xét duyệt danh sách các đối tượng có mức thu nhập bằng hoặc thấp hơn mức thu nhập của chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo (*theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định*) để xác định đối tượng có hoàn cảnh khó khăn được hưởng chính sách này, đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

Quy trình xét duyệt danh sách, phương thức, thủ tục chi trả và thanh quyết toán theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.

b) Theo dõi, kiểm tra và xử lý các vấn đề phát sinh; rà soát, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

2. Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, bố trí kinh phí chi thường xuyên cho các đơn vị để triển khai thực hiện Kế hoạch này theo phân cấp ngân sách hiện hành.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện, thành phố Thủ Đức:

Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai Nghị quyết này đến các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập trên địa bàn Thành phố, thực hiện hướng dẫn xác nhận cho học sinh là đối tượng thụ hưởng chính sách và tổ chức chi trả kinh phí hỗ trợ học phí đảm bảo đúng quy định;

Thông báo bằng văn bản đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nơi học sinh đăng ký lưu trú khi học sinh thuộc diện hưởng chính sách chuyên trường, hoặc thôi học,... để kịp thời tổng hợp, báo cáo theo quy định.

4. Sở Tư pháp:

Hướng dẫn thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch để làm cơ sở xác định và phê duyệt đúng danh sách đối tượng có đủ điều kiện được hưởng chính sách này đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

5. Sở Thông tin và Truyền thông:

Chỉ đạo các cơ quan báo, đài tăng cường công tác tuyên truyền đúng, đầy đủ và kịp thời về chính sách đặc thù của Thành phố chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn, tạo sự đồng thuận trong các tầng lớp Nhân dân.

6. Công an Thành phố:

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND trong hệ thống ngành dọc; chỉ đạo Công an phường, xã, thị trấn hướng dẫn thực hiện các thủ tục xác minh theo quy định của Luật Cư trú đối với các đối tượng thụ hưởng chính sách của Nghị quyết này hiện đang thực tế cư trú tại địa phương.

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức trong công tác làm sạch dữ liệu dân cư, cập nhật, bổ sung thông tin cư trú vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác làm giàu dữ liệu dân cư và kết nối chia sẻ với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

7. Bảo hiểm xã hội Thành phố:

Chỉ đạo, hướng dẫn Bảo hiểm xã hội quận, huyện, thành phố Thủ Đức triển khai thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế kịp thời cho đối tượng; phối hợp Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức hoàn tất thủ tục trước ngày cuối cùng của tháng để không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đối tượng thụ hưởng.

8. Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức:

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến về các chủ trương, chính sách của Thành phố để người dân biết, thực hiện và giám sát.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức chỉ đạo thực hiện trình tự thủ tục, xét duyệt chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ cho đối tượng theo Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND tương tự như trình tự thủ tục xét duyệt chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

Căn cứ Hướng dẫn chi tiết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, ban hành văn bản chỉ đạo các Phòng chuyên môn, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện xác định đối tượng đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ, tổng hợp danh sách, lập dự toán kinh phí và tổ chức chi hỗ trợ đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

Trên cơ sở dự toán ngân sách được Ủy ban nhân dân Thành phố giao, tổ chức thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách theo phân cấp quản lý. Giải đáp thắc mắc do người dân phản ánh và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định.

Ban hành quyết định dừng hỗ trợ đối với đối tượng không còn đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố:

Chủ trì, chỉ đạo hệ thống Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên từ Thành phố đến quận, huyện, thành phố Thủ Đức, xã, phường, thị trấn phối hợp tuyên truyền, phổ biến; giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, đúng đối tượng, đúng chính sách.

10. Đề nghị Ban đại diện Hội người cao tuổi Thành phố, Hội Nông dân Thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố, Thành Đoàn, Hội Bảo trợ trẻ em Thành phố, Hội Bảo vệ quyền trẻ em Thành phố:

Tổ chức triển khai chỉ đạo trong hệ thống ngành dọc đến quận, huyện, thành phố Thủ Đức, xã, phường, thị trấn; phối hợp tuyên truyền, phổ biến; giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, đúng đối tượng, đúng chính sách.

VI. THÔNG TIN BÁO CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

1. Thông tin báo cáo:

Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức định kỳ hằng năm (trước ngày 10 tháng 11) báo cáo kết quả triển khai thực hiện chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố; nội dung của báo cáo tập trung vào việc đánh giá thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện và đề xuất giải quyết những vướng mắc.

Các báo cáo gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết.

2. Xử lý vi phạm:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân lợi dụng chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố để trục lợi, vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ, bị xử lý kỷ luật, truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan khẩn trương triển khai thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, kịp thời thông tin về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét giải quyết theo quy định hoặc báo cáo xin ý kiến Ủy ban nhân dân Thành phố./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH